TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HS-ST
Ngày: 30/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương.

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Tẩn Cao Sơn; Nghề nghiệp: Cán bộ Hội đồng nhân dân xã - Ông Lò Văn Chiên; Nghề nghiệp: Hưu trí (có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lí người dưới 18 tuổi)

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên toà: Ông Lương Gia Khánh - Kiểm sát viên

Ngày 30/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2020/HSST, ngày 10/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST - HS ngày 18/9/2020 đối với các bị cáo:

1. Giàng A N (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1978; nơi cư trú: Bản Xin Chải, xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam, tôn giáo: không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Giàng A Sầu, sinh năm: 1935 và bà Giàng Thị Lỳ, sinh năm 1940; Bị cáo có vợ Vàng Thị Dua, sinh năm: 1978 và có 04 con lớn nhất sinh năm: 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2010;

Tiền sự: không, tiền án: 03 tiền án.

+ Ngày 30/10/2002 Giàng A N bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại Bản án số: 69/2002/HSST.

+ Ngày 29/8/2006 Giàng A N bị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án số

33/2006/HSST, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 09/5/2006. Giàng A N đã chấp hành phạt tù tại trại giam Hồng Ca, Yên Bái, đến ngày 09/8/2008 chấp hành xong hình phạt tù trở về sinh sống tại địa phương.

Bản án số 34/2011/HSST ngày 20/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu áp dụng điểm p (tái phạm nguy hiểm), khoản 2 Điều 194 của BLHS, điểm p khoản 1 điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Giàng A N 08 năm tù giam về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 18/12/2010. Giàng A N đã chấp hành án phạt tù tại trại giam Hồng Ca, Yên Bái, đến ngày 18/12/2017 chấp hành xong hình phạt tù trở về sinh sống tại địa phương.

Như vậy tính đến ngày bị cáo Giàng A N thực hiện hành vi phạm tội lần này (ngày 06/12/2019) bị cáo chưa được xóa án tích theo quy định của BLHS.

Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 03/4/2020 đến ngày 12/4/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 25/6/2020 Giàng A N bị CQ CSĐT Công an huyện Phong Thổ tạm giữ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 249 BLHS. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/6/2020 đến ngày 04/7/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phong Thổ, có mặt tại phiên tòa.

2. Giàng A L (tên gọi khác: Giàng A Lử), sinh năm: 2002; nơi cư trú: Bản Tả Lèng, xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam, tôn giáo: không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Giàng A Sinh (đã chết) và bà Châu Thị Gia, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/4/2020 đến ngày 13/4/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 14/8/2020 bị bắt truy nã và bị tạm giữ từ ngày 15/8/2020 đến ngày 18/8/2020 bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phong Thổ, có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo(Đại diện gia đình):* Chị Châu Thị G (mẹ đẻ của bị cáo), sinh năm: 1965.

Nơi cư trú: Bản Tả Lèng, xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Lê Mạnh H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu. (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Tần A L1; sinh năm: 1976; trú tại: Bản Má Tiển, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Lù Thị Q sinh năm: 2000; trú tại: Bản Má Tiển, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

- Anh Vàng Tráng Ph; sinh năm: 1973; trú tại: Bản Tả Lèng, xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt)

- Anh Vừ A D, sinh năm: 1988; trú tại: Bản Tả Lèng, xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 06/12/2019, Giàng A L đến nhà Giàng A N để rủ N trộm cắp trâu mang sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau tiêu tết. Do N muốn có tiền chi tiêu tết nên đồng ý đi trộm cắp cùng và bảo L ăn cơm tối nhà N xong rồi cùng đi. Khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm tối xong, L đi vào buồng nhà N lấy 01 đèn pin loại có dây đeo trên đầu, đi vào bếp nhà N lấy 01 con dao nhọn của nhà N để đem đi cắt dây buộc trâu, N cũng lấy 01 đèn pin loại có dây đeo trên đầu của nhà N sau đó cả hai cùng đi bộ theo đường mòn từ bãi ruộng của bản Xin Chải, xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ qua nương chuối để sang bản Má Tiển, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ trộm cắp trâu.

Khoảng 23 giờ cùng ngày 06/12/2019, N và L đi đến khu vực nhà anh Tẩn A L1 ở bản Má Tiển, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ thấy gia đình anh L1 đã tắt điện đi ngủ, xung quanh không có ai qua lại. L và N đi vào trong cổng nhà anh L1 để quan sát. N và L nhìn thấy phía trước nhà anh L1 có 01 con trâu mẹ khoảng 12 tuổi và được buộc vào cột hiên nhà và 01 con trâu con, loại trâu đực, khoảng 01 tuổi đang đứng cạnh con trâu mẹ. L và N tiếp tục quan sát xung quanh thấy không có người nên L bảo N đứng ở ngoài cổng nhà cạnh kho chứa củi của nhà anh L1 để canh gác người cho L đi vào dắt trộm trâu, N đồng ý. Sau đó L đi vào trong sân, dùng con dao nhọn mang theo cắt đứt sợi dây thừng đang buộc con trâu mẹ vào cột nhà rồi dắt trâu đi ra ngoài cổng, khi L dắt trâu mẹ đi thì con trâu con cũng đi theo sau con trâu mẹ (con trâu con không buộc dây). Thấy L đã dắt được 02 con trâu ra khỏi sân, N sợ có người phát hiện nên đã đi ra ngoài cổng nhà anh L1 để tiếp tục canh gác người. Khi L dắt được 02 con trâu đi ra ngoài đường đi trước, N đi theo sau để đuổi 02 con trâu đi theo đường mòn của bản Xin Chải, xã Hoang Thèn sang bản Sàng Cải, xã Mù Sang, huyện Phong Thổ để đem sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau. Khoảng 07 giờ ngày 07/12/2019 L và N dắt, đuổi được 02 con trâu về đến khu bãi ruộng của bản Tả Lèng, xã Hoang Thèn. Do trời đã sáng, L và N không dám dắt đuổi trâu đi tiếp vì sợ bị phát hiện nên L và N buộc con trâu mẹ vào bụi cây ở bãi ruộng và thả con trâu con đứng cạnh con trâu mẹ. Sau đó N dặn L ở lại trông coi 02 con trâu, L nhất trí, N đi về nhà N dự đám cưới ở gần nhà. L trông coi trâu được một lúc thì đi vào lán ruộng không có người ở nằm ngủ.

Khoảng 16 giờ cùng ngày 07/12/2019 anh Vừ A Dơ là công an viên của bản Tả Lèng, xã Hoang Thèn đi đến khu vực ruộng mà N và Lử đang buộc, thả

02 con trâu để tháo nước vào ruộng trồng cỏ voi của nhà Dơ, thì gặp ông Vàng Cháng Phùa, cùng là công an viên của bản Tả Lèng, xã Hoang Thèn đi đến, thấy Dơ đi vào thăm ruộng trồng cỏ voi, Phùa đi theo cùng để xin giống cỏ voi đem về nhà trồng. Khi Phùa và Dơ đi đến bãi ruộng cỏ voi của nhà Dơ thì thấy 01 con trâu mẹ khoảng 12 tuổi và 01 con trâu con (trâu đực), khoảng 01 tuổi, lông màu đen đang ăn cỏ ở bãi ruộng của nhà Dơ, Dơ và Phùa quan sát trâu nhưng không xác định được đó là trâu của nhà ai, lúc này có Giàng A N đi đến khu vực ruộng, Dơ hỏi N 02 con trâu này của ai do sợ bị phát hiện đã trộm cắp trâu nên N nói: "không biết là trâu của ai", Phùa và Dơ nghĩ là trâu đi lạc đường nên đã dắt đuổi 02 con trâu về buộc ở bụi cây trước nhà Phùa rồi đi thông báo cho người dân và báo lên công an xã Hoang Thèn biết. Thấy Dơ và Phùa dắt, đuổi 02 con trâu đó đi, N không đi tìm L nữa mà đi về nhà luôn để tránh bị phát hiện. Sau đó N và L bàn nhau không ai được nói cho người khác biết việc đã trộm cắp trâu của gia đình anh L1, L cũng trả lại cho N con dao nhọn mà cả hai dùng để đi trộm cắp.

Khoảng 07 giờ 30 ngày 07/12/2019 anh Tẩn A L1 phát hiện mất 02 con trâu (01 con trâu mẹ khoảng 12 tuổi và 01 con trâu con, loại trâu đực khoảng 01 tuổi) gia đình anh đã tổ chức đi tìm nhưng không thấy nên gọi điện báo cho công an viên biết. Đến trưa ngày 09/12/2019 gia đình ông Tẩn A L1 nhận được thông tin về việc anh Phùa và anh Dơ là công an viên đang giữ 02 con trâu có đặc điểm giống như 02 con trâu mà gia đình anh đã bị mất, nên anh L1 đến nhà anh Phùa để xem thì thấy đúng là 02 con trâu của gia đình anh bị mất vào đêm ngày 06/12/2019, sau đó anh Tẩn A L1 nhận lại 02 con trâu. Do đã nhận được trâu nên gia đình anh L1 không báo cho Cơ quan chức N giải quyết theo quy định.

Khoảng đầu tháng 4/2020 N thấy lực lượng công an huyện Phong Thổ lên bản truy tìm L, nên sợ sẽ bị phát hiện, vì vậy vào hồi 07 giờ ngày 03/4/2020, Giàng A N đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Phong Thổ đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp 02 con trâu cùng với Giàng A L. Giàng A L sau khi biết N đã đến Công an huyện Phong Thổ để khai nhận hành vi trộm cắp trâu cùng với mình, nên biết hành vi phạm tội của mình đã bị công an phát hiện, do đó vào hồi 13 giờ 20 phút ngày 04/4/2020, Giàng A L đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Phong Thổ đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định số: 37/KL-HĐĐGTS ngày 07/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phong Thổ kết luận: *"Một con trâu cái, lông màu đen, 12 năm tuổi, sừng dài 60 cm, trọng lượng 250 kg hơi, không mang bầu, hoàn toàn khỏe mạnh, không dị tật, không bị bệnh gì"*, tại thời điểm tháng 12/2019 có giá trị là: 25.000.000 đồng.

Kết luận: *"Một con trâu đực, lông màu đen, 01 năm tuổi, sừng dài 15 cm, trọng lượng khoảng 80 kg hơi, hoàn toàn khỏe mạnh, không dị tật, không bị*

bệnh gì”, tại thời điểm tháng 12/2019 có giá trị là: 15.000.000 đồng. Như vậy tổng trị giá tài sản là 40.000.000 đồng.

Quá trình khởi tố, điều tra và truy tố Giàng A L đã bỏ trốn, đến ngày 14/8/2020 L bị bắt theo lệnh truy nã.

Về xác định độ tuổi của Giàng A L: Tại Bản kết luận giám định độ tuổi số: 22/20/GĐT ngày 25/8/2020 của Viện pháp y quốc gia - Bộ y tế xác định: *“Ngày 15/8/2020 Giàng A L (tên gọi khác: Giàng A Lử) có độ tuổi từ 17 năm 3 tháng đến 17 năm 9 tháng”*. Như vậy, tại thời điểm L thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 06/12/2019, L có độ tuổi là từ 16 năm 06 tháng 21 ngày đến 17 năm 0 tháng 21 ngày.

Đối với Giàng A N, quá trình điều tra xác định: Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp 02 con trâu nêu trên, N đã có 03 tiền án và tiền án lần thứ ba tại Bản án số: 34/2011/HSST ngày 20/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã áp dụng điểm p (tái phạm nguy hiểm), khoản 2 điều 194; điểm p khoản 1 điều 46 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Giàng A N 08 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Giàng A N đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 18/12/2017 và đã thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 06/12/2019 Giàng A N thực hiện hành vi phạm tội do vậy bị cáo chưa được xóa án tích theo quy định tại điều 69, 70 - Bộ luật hình sự năm 2015 và theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 53 BLHS năm 2015, lần phạm tội này của Giàng A N thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 29/8/2020 Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả 02 con trâu cho anh Tẩn A L1. Đối với 02 chiếc đèn pin loại đèn pin đội đầu, quá trình điều tra bị cáo N và L đã vứt bỏ chiếc đèn pin đã dùng trong ngày 06/12/2019, do đó không có căn cứ để thu giữ vật chứng vụ án.

Vật chứng còn lại là: 01 dao nhọn cán bằng gỗ dài 31,4 cm, phần lưỡi dao dài 19,6 cm, chuôi dao dài 11,8 cm, phần cán dao bằng gỗ dài 10 cm, phần cán dao gỗ được bọc bằng sắt dài 1,8 cm, phần rộng nhất của lưỡi dao rộng 3,2 cm, phần dày nhất của sống dao dày 0,2 cm thu giữ của N.

Tại bản cáo trạng số: 54/CT - VKS Ngày 10/9/2020 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Phong Thổ đã truy tố các bị cáo:

Giàng A N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 điều 173 - Bộ luật Hình sự.

Giàng A L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 - Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 50; Điều 17; 58; Điều 38 - Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Giàng A N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, 2; điều 50; Điều 51; Điều 17 ;58; Điều 90, 91, 98, 101 - Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Giàng A L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo N. Căn cứ vào khoản 6 điều 91 - Bộ luật hình sự, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Giàng A L.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình anh Tần A L1 đã nhận lại 02 con trâu và tại phiên tòa anh L1 vắng mặt và có đơn đề nghị không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác. Về trách nhiệm hình sự bị hại đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lù Thị Quây là thành viên trong gia đình anh L1 cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác nên không phải giải quyết.

Về vật chứng: Căn cứ vào điều 47 - Bộ luật hình sự; điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 dao nhọn cán bằng gỗ thu giữ của Giàng A N.

+ Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng cho cả hai bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo: Về tội danh và điều luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với hai bị cáo Người bào chữa không có ý kiến gì, tuy nhiên mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát còn nghiêm khắc. Bởi tài sản mà các bị cáo trộm cắp đã được trả lại cho bị hại chưa gây ra thiệt hại. Bản thân bị cáo Giàng A L không có tiền án tiền sự, là người chưa thành niên phạm tội, chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần nên thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực đặc biệt khó khăn, bản thân nhận thức pháp luật còn hạn chế. Về vai trò đồng phạm là giản đơn không có sự tính toán từ trước, đối với bị cáo N đã ra Công an huyện Phong Thổ tự thú về hành vi phạm tội của mình, bị cáo L đã đầu thú tại Công an huyện Phong Thổ. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s, h khoản 1, 2 điều 51; Điều 17, 58; Điều 90, 91, 98, 101 - Bộ luật hình sự. Đề nghị xem xét mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Giàng A L. Đối với bị cáo Giàng A N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; điểm r, s, h khoản 1, 2 điều 51; Điều 17, 58 - Bộ luật hình sự. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Giàng A N và không áp dụng hình phạt bổ sung cho cả hai bị cáo, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm nhất trí với bản luận tội và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của cả hai bị cáo: Các bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và hứa cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa trong giai đoạn xét xử. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, vì vậy có đủ cơ sở khẳng định như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 06/12/2019 Giàng A L và Giàng A N đi đến nhà anh Tẩn A L1 trộm cắp tài sản. Trong đêm tối gia đình nhà anh L1 đi ngủ, xung quanh không có ai. N đã đứng ở cổng nhà anh L1 để cảnh giới, L đã lén lút đi vào trong sân nhà anh L1 dùng dao cắt đứt sợi dây thừng buộc con trâu và dắt hai con trâu nhà anh L1 ra khỏi khu vực nhà anh L1, N đi sau đuổi hai con trâu hỗ trợ cho L, sau đó hai người đuổi dắt hai con trâu đi theo đường mòn bản Xin Chải, xã Hoang Then để đem sang Trung Quốc bán. Tuy nhiên cả hai chưa thực hiện được hành vi bán hai con trâu đó thì bị phát hiện. Tại bản kết luận giám định số: 37/KL-HĐĐGTS ngày 07/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phong Thổ kết luận: Tổng giá trị của 02 con trâu là 40.000.000 đồng. Xét về vai trò đồng phạm của các bị cáo thì đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo L giữ vai trò chính trong vụ án này, là người rủ rê, tích cực tìm công cụ cùng bị cáo N để thực hiện hành vi phạm tội. Đối với N giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho L thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên bị cáo Giàng A N đã có 03 tiền án và tại bản án số: 34/2011/HSST ngày 20/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã áp dụng điểm p (tái phạm nguy hiểm), khoản 2 điều 194 -

BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Giàng A N 08 năm tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", Giàng A N đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 18/12/2017 và đã thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 06/12/2019 Giàng A N thực hiện hành vi phạm tội do vậy bị cáo chưa được xóa án tích theo quy định tại điều 69, 70 - Bộ luật hình sự năm 2015 và theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 53 BLHS năm 2015, lần phạm tội này của Giàng A N thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm". Như vậy hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội: " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 - Bộ luật hình sự. Bị cáo L là vai trò chính trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá là 40.000.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội: " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 - Bộ luật hình

[3] Đánh giá hành vi của các bị cáo HĐXX nhận thấy:

Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo coi thường pháp luật vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo lợi dụng bị hại đi ngủ không có người trông coi tài sản để chiếm đoạt tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt theo kết luận của Hội đồng định giá huyện Phong Thổ kết luận: Tổng giá trị của 02 con trâu là 40.000.000 đồng. Đối với hành vi phạm tội của bị cáo N lần này thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 - Bộ luật hình sự. Bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội: " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 - Bộ luật hình. Vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[4] Đánh giá về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Đối với bị cáo Giàng A N thực hiện hành vi phạm tội là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác là khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ.

Đối với bị cáo Giàng A L HĐXX xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại thời điểm phạm tội Giàng A L mới đủ 16 tuổi 06 tháng 21 ngày ở độ tuổi chưa thành niên, chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, dễ bị tác động, sự nhận thức hiểu biết về pháp luật chưa được đầy đủ, chưa thấy hết được hành vi mà bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật.

[5] Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo đều cân nhắc các hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; điểm r, s, h khoản 1, 2 điều 51; Điều 17, 58 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo N, đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s, h khoản 1, 2 điều 51; Điều 17, 58; Điều 90, 91, 98, 101 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo L. Việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết quy định tại điểm r, h đối với bị cáo N và điểm h đối với bị cáo L là không có căn cứ pháp luật. Đề nghị

mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo L là chưa phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo Giàng A L đã gây ra nên HĐXX không chấp nhận. Còn đối với bị cáo N người bào chữa đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt, HĐXX xem xét cân nhắc mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo N.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ đầu thú về hành vi phạm tội của mình và các bị cáo sống ở khu vực đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng điểm i khoản 1 điều 51 - Bộ luật hình sự.

[8] Xét về nhân thân: Bị cáo N đã có 03 tiền án về các tội: " Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội " Trộm cắp tài sản". Bị cáo lại tiếp tục phạm tội lần này và bị truy tố theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 - BLHS. Bị cáo phạm tội hết lần này đến lần khác, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân là người nghiện chất ma túy, và trong thời gian tại ngoại bị cáo bị Cơ quan điều tra bắt quả tang về hành vi: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" cho thấy bị cáo là người liên tục thực hiện hành vi phạm tội. Nên cần phải có một mức án nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo L chưa có tiền án tiền sự, tuy nhiên bị cáo đang bị Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ điều tra về hành vi: "Trộm cắp tài sản" ở vụ án khác, quá trình tại ngoại bị cáo đã bỏ trốn sau đó bị bắt theo Quyết định truy nã, bản thân lười lao động muốn có tiền tiêu sài nên bị cáo đã rủ rê bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cũng cần có một mức án nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo, phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện hoàn cảnh kinh tế của bị cáo N còn khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự là hình phạt tiền đối với bị cáo. Đối với bị cáo L căn cứ vào khoản 6 điều 91 - Bộ luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xét xử vắng mặt nội dung không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lù Thị Quây có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[11] Về vật chứng: 01 dao nhọn cán bằng gỗ thu giữ của Giàng A N là công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12]Các vấn đề khác: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điều 50 - Bộ luật hình sự, xét thấy điều 50 - BLHS là điều luật quy định các căn cứ để quyết định hình phạt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng điều 50 - BLHS.

[13] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực đặc biệt khó khăn theo Quyết định số: 582/QĐ - TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Lai Châu, tại phiên tòa cả hai bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét miễn toàn bộ tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo, nên HĐXX miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho cả hai bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về Hình phạt:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều; Điều 17, 58; Điều 38 - Bộ Luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Giàng A N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Giàng A N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo được khấu trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 03/4/2020 đến ngày 12/4/2020).

Thời hạn thi hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 25/6/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17, 58; Điều 90, 91,101 - Bộ Luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Giàng A L (tên gọi khác Giàng A Lử) phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Giàng A L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo được khấu trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 04/4/2020 đến ngày 13/4/2020).

Thời hạn thi hành hình phạt tù bị cáo được tính từ ngày 15/8/2020.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47- Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 điều 106 - Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 dao nhọn cán bằng gỗ thu giữ của Giàng A N.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/9/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ với Chi cục THADS huyện Phong Thổ).

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng cho cả hai bị cáo.

4. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Giàng A L, người bào chữa cho bị cáo Giàng A L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lù Thị Quây có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Nguyễn Thị Phương

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh, huyện ;
- THA dân sự huyện ;
- CQTHA PT; CQĐT CA huyện
- Các bị cáo; Người ĐDHP của bị cáo
- Người bào chữa
- Bị hại, người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: HS - TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyên Thị Phương